

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**
Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Phan Văn Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2020 về việc ly hôn, trA chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc A**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 333/73 đường PL, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Dương Thành V**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 453, đường L, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020 và lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc A tại phiên tòa thì:

Bà Trần Thị Ngọc A và ông Dương Thành V tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố S, tỉnh S vào ngày 26/9/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi

nhau. Hiện vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà A và ông V có 02 người con chung là cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 17/02/2013 và cháu Dương Hoàng P1, sinh ngày 17/02/2013, hiện đang chung sống với bà Ngọc A.

Nay bà Trần Thị Ngọc A yêu cầu được ly hôn với ông Dương Thành V.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Trần Thị Ngọc A yêu cầu nuôi hai con chung Dương Hoàng P, sinh ngày 17/02/2013 và cháu Dương Hoàng P1, sinh ngày 17/02/2013 và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi đứa 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Ngọc A thay đổi về mức cấp dưỡng, yêu cầu ông Dương Thành V cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu P và cháu P theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị Ngọc A đã nộp Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 158/2012, quyển số 02, ngày 26/9/2012, bản sao Giấy Khai sinh Dương Hoàng P và Dương Hoàng P1.

- Bị đơn ông Dương Thành V từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Dương Thành V không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Trần Thị Ngọc A đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Dương Thành V và ông V cư trú tại địa chỉ Số 453, đường L, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Ông Dương Thành V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Vinh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị Ngọc A và ông Dương Thành V xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158/2012 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị Ngọc A cung cấp, có cơ sở xác định sau thời gian chung sống thì bà A và ông V phát sinh mâu thuẫn do có sự khác biệt về quan điểm sống, không thông cảm cho nhau nên dẫn đến cãi vã; bà A không còn tình cảm với ông V và mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[2.3] Về con chung:

[2.3.1] Xét yêu cầu nuôi con của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 17/02/2013 và cháu Dương Hoàng P1, sinh ngày 17/02/2013 đang sống chung với bà A tại 333/73 đường PL, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh S và cháu P, cháu P1 đều có nguyện vọng được sống với bà A nên Hội đồng xét xử giao cháu P và cháu P1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3.2] Về cấp dưỡng nuôi con, bà A yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu P và cháu P1 theo quy định của pháp luật. Xét thấy theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", ông V không phải là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên bà A yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Dương Thành V là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Dương Hoàng P, sinh ngày 17/02/2013 và cháu Dương Hoàng P1, sinh ngày 17/02/2013. Mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu, mức lương tối thiểu thời điểm hiện tại là 1.490.000đ/tháng $\times \frac{1}{2} = 745.000\text{đ}$, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm là (ngày 06/01/2021) cho đến khi chấm dứt theo quy định của pháp luật.

[2.3.3] Ông Dương Thành V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Phong và cháu Phúc theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung, bà A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung, bà A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc A và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và ông Dương Thành V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Theo khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc A:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị Ngọc A được ly hôn với ông Dương Thành V.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Dương Hoàng P, (nam, sinh ngày 17/02/2013) và cháu Dương Hoàng P1, (nam, sinh ngày 17/02/2013) cho bà Trần Thị Ngọc A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Dương Thành V cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 745.000 đồng/người, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/01/2021 cho đến khi chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Ông Dương Thành V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Dương Hoàng P, Dương Hoàng P1 theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung, bà A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4/. Về nợ chung, bà A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004498 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Trần Thị Ngọc A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Thành V phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng. Nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3/. Bà Trần Thị Ngọc A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Dương Thành V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lý Bích Khiêm

